

Vietnam Daily Review

Ánh nắng sau những ngày mưa giông

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 8/7/2022	•		
Tuần 4/7-8/7/2022	•		
Tháng 7/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường mở cửa đi xuống, tuy nhiên sau đó quay đầu đi lên, giằng co tại ngưỡng 1155 cho đến hết phiên sáng. Sang đến phiên chiều, chỉ số bị đẩy trở lại vùng 1150 trước khi kết phiên tăng ngoạn mục gần 17 điểm, quay trở lại ngưỡng tâm lí 1160. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 14/19 ngành tăng điểm, trong đó mức tăng mạnh nhất thuộc về ngành Bảo hiểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên sàn HNX. Trong những phiên tới, thị trường có thể sẽ có diễn biến giằng co quanh vùng 1160 để lấy đà bật lên. Nếu không thành công, chỉ số có thể sẽ giảm xuống ngưỡng 1100.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL hầu hết tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư cân nhắc giao dịch ngắn hạn trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 07/07/2022, các chứng quyền tăng theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **16.87** điểm, đóng cửa **1166.48** điểm. HNX-Index **-0.06** điểm, đóng cửa **271.86** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+3.28)**, **VIC (+2.25)**, **VHM(+2.11)**, **VNM (+1.23)**, **MSN (+1.09)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-0.79)**, **EIB (-0.19)**, **FPT (-0.11)**, **GVR (-0.10)**, **BHN (-0.09)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 7.759 tỷ đồng, giảm **30.05%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 9.062 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 23.68 điểm. Thị trường có **248** mã tăng, 84 mã tham chiếu và **183** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **487.45 tỷ** đồng trên sàn HOSE, gồm **VNM (121.20 tỷ)**, **VND (54.75 tỷ)**, **VCB (41.41 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-0.84 tỷ** đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1166.48**

Giá trị: 7759.26 tỷ **16.87 (1.47%)**

Khối ngoại (ròng): 487.45 tỷ

HNX-INDEX **271.86**

Giá trị: 723.27 tỷ **-0.06 (-0.02%)**

Khối ngoại (ròng): 0.84 tỷ

UPCOM-INDEX **86.38**

Giá trị: 0.5 tỷ **0.16 (0.19%)**

Khối ngoại (ròng): -5.04 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	98.4	-0.13%
Giá vàng	1,743	0.22%
Tỷ giá USD/VND	23,380	0.05%
Tỷ giá EUR/VND	23,810	0.02%
Tỷ giá JPY/VND	17,174	-0.09%
LS liên NH 1 tháng	2.3%	0.21%
LS TPCP 5 năm	2.4%	-0.15%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	121.2	KDC	-14.1
VND	54.8	DPM	-10.3
VCB	41.4	FUEVFNVD	-9.1
CTG	34.1	DCM	-9.1
VHC	29.1	E1VFN30	-8.6

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tin hiệu hàng hóa	Trang 2
Thị trường phái sinh	Trang 3
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Khuyến nghị dài hạn	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 07/07

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	108.43	2.52%	0.75%	-5.14%	44.27%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	111.63	2.38%	2.32%	-2.96%	46.55%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	3.69	4.28%	-2.48%	-7.17%	60.35%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1810.18	0.18%	-0.88%	-3.10%	1.31%	PNJ	
Bạc	USD/ounce	19.87	-1.86%	-5.87%	-10.82%	-24.91%	PNJ	
Đậu tương	UScent/bushel	1626.00	-2.93%	0.95%	-5.97%	12.00%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	827.25	-5.38%	-10.45%	-21.83%	28.11%		AFX
Sữa	USD /cwt	22.42	-0.49%	-7.85%	-7.81%	33.53%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	259.80	-0.31%	-3.78%	2.12%	16.50%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	18.07	-4.04%	-1.63%	-6.62%	-0.44%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	2.76	0.00%	-0.36%	2.60%	-6.76%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	228.45	-2.25%	0.82%	-4.11%	47.72%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	3.62	-2.57%	-3.75%	-20.51%	-15.48%	HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	4500.00	-0.02%	4.63%	0.78%	-8.31%		
Nhôm	USD/ton	2444.00	-0.06%	-0.49%	-12.17%	-4.45%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	118.00	-3.67%	1.29%	-17.48%	-45.75%		HPG
Than đá	USD/ton	388.00	0.53%	-2.27%	-5.94%	178.64%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu thô ngọt nhẹ WTI của Mỹ giảm 0.68% xuống 97.88 USD/thùng vào sáng ngày 7/7. Giá dầu thô Brent giao tháng 9 giảm 0.04% xuống 99.98 USD/thùng.
- Giá dầu giảm thêm khoảng 2% trong phiên giao dịch ngày 6/7 xuống mức thấp nhất trong 12 tuần, vì giới đầu tư ngày càng lo ngại về triển vọng cầu có thể bị tác động bởi một cuộc suy thoái tiềm tàng.

Giá vàng

- Trong phiên giao dịch sáng ngày 7/7, giá vàng giao ngay tăng 0.09% lên 1,740.2 USD/ounce, theo kitco. Giá vàng giao tháng 8 cũng tăng 0.12% lên 1,738.55 USD.
- Giá vàng tiếp đà giảm trong phiên giao dịch ngày 6/7 xuống mức thấp nhất trong hơn 9 tháng, vì đồng USD mạnh trong khi biên bản họp tháng 6 của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) cho thấy ngân hàng trung ương sẽ mạnh tay hơn đối với chính sách tiền tệ.

Giá cao su

- Tại Sở giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM), giá cao su kỳ hạn giao tháng 8/2022 ghi nhận mức 252.3 yen/kg, giảm 0.86% (tương đương 2.2 yen/kg).
- Trên Sàn giao dịch hàng hóa tương lai Thượng Hải (SHFE), giá cao su RSS3 giao kỳ hạn tháng 7/2022 được điều chỉnh lên mức 12,470 nhân dân tệ/tấn, tăng 0.36% (tương đương 45 nhân dân tệ) so với giao dịch trước đó.

Giá nông sản

- Giá cà phê trực tuyến robusta tại London giao tháng 7/2022 được ghi nhận tại mức 1,944 USD/tấn sau khi giảm 0.1% (tương đương 2 USD).
- Giá cà phê arabica giao tháng 7/2022 tại New York đạt mức 222.5 US cent/pound, giảm 0.96% (tương đương 2.15 US cent).

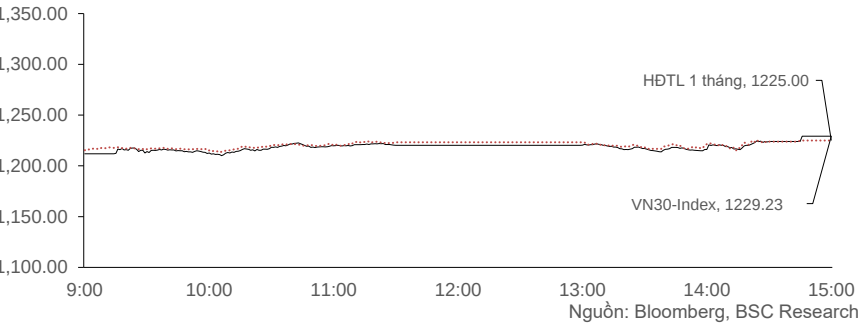
Thị trường chứng khoán thế giới

	7/7	% 7/7	6/7	% 6/7	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1166.48	1.47%	1149.61	-2.68%	-2.60%	-9.67%
S&P 500			3845.08	0.36%	0.62%	-7.94%
HĐTL S&P500	3854.00	0.15%	3848.25	0.37%	0.86%	-6.22%
Shang-hai	3364.40	0.27%	3355.35	-1.43%	-1.01%	3.78%
Euro Stoxx	3470.00	1.41%	3421.84	1.85%	0.44%	-8.85%

* Giờ chốt dữ liệu: 15h00 hàng ngày theo giờ Việt Nam

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2207	1225.00	0.57%	-4.23	-20.0%	319,336	7/21/2022	14
VN30F2208	1223.40	0.42%	-5.83	15.2%	727	8/18/2022	42
VN30F2209	1224.10	0.52%	-5.13	108.3%	200	9/15/2022	70
VN30F2212	1222.20	0.51%	-7.03	-51.0%	72	12/15/2022	161

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 17.29 điểm lên 1229.23 điểm, biên độ dao động 21.49 điểm. Các cổ phiếu như VIC, VHM, VNM, MSN và VCB đã tác động đến nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư cân nhắc giao dịch ngắn hạn trong phiên.
- Các HĐTL hầu hết giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, hầu hết các HĐ đều giảm, chỉ riêng VN30F2209 tăng so với phiên trước đó. Xét về vị thế mở, hầu hết các HĐ đều giảm, chỉ riêng VN30F2209 tăng so với phiên trước đó. Nhịp vận động của VN30 trong phiên hôm nay chạm vùng đáy tâm lý 1200-1210 bật tăng, tuy nhiên chỉ số dao động trong biên độ nhỏ, thanh khoản chỉ ở mức thấp.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVNM2203	8/15/2022	39	20:1	92,200	26.42%	1,000	210	31.25%	9	23.65	107,511	81,111	129,300
CVNM2204	10/7/2022	92	10:1	1,272,300	26.42%	1,500	900	28.57%	313	2.88	81,600	73,000	73,000
CVPB2203	7/15/2022	8	16:1	28,400	37.64%	1,000	110	10.00%	41	2.70	28,888	28,888	28,900
CPNJ2202	10/3/2022	88	24.8:1	187,100	41.67%	1,200	890	9.88%	688	1.29	130,482	99,999	116,000
CPNJ2203	10/3/2022	88	24.8:1	175,700	41.67%	1,300	910	8.33%	621	1.47	126,542	109,999	116,000
CVPB2204	11/15/2022	131	16:1	98,600	37.64%	1,000	400	8.11%	121	3.31	30,888	30,888	28,900
CFPT2203	8/1/2022	25	3.3:1	524,800	33.29%	3,800	2,260	7.62%	1,893	1.19	86,866	95,000	83,100
CSTB2211	12/27/2022	173	8:1	1,452,200	47.00%	1,000	590	5.36%	344	1.72	31,173	23,333	22,600
CVJC2203	12/27/2022	173	20:1	6,200	28.36%	1,400	1,090	3.81%	467	2.33	145,731	131,131	129,300
CMBB2206	10/3/2022	88	10:1	137,100	35.79%	1,000	580	3.57%	350	1.65	101,222	22,222	25,100
CSTB2214	1/9/2023	186	2:1	183,400	47.00%	1,630	2,140	2.88%	1,505	1.42	23,840	23,000	22,600
CFPT2201	9/20/2022	75	6.6:1	252,200	33.29%	2,100	1,090	0.93%	554	1.97	88,884	106,000	83,100
CNVL2205	12/27/2022	173	16:1	200	26.33%	1,100	680	0.00%	176	3.87	121,088	81,888	74,000
CVNM2205	10/20/2022	105	16:1	200	26.42%	1,000	600	0.00%	84	7.15	127,839	79,999	73,000
CMBB2207	1/3/2023	180	10:1	281,000	35.79%	1,000	620	-3.13%	351	1.77	32,656	23,456	25,100
CPDR2204	1/3/2023	180	16:1	100	32.30%	1,000	500	-3.85%	182	2.75	77,499	57,979	52,300
CMWG2201	9/20/2022	75	4.97:1	111,800	34.42%	2,600	1,100	-4.35%	605	1.82	68,352	134,500	64,000
CVRE2209	12/27/2022	173	8:1	364,900	39.26%	1,000	440	-4.35%	170	2.59	30,888	30,888	27,000
CNVL2202	8/15/2022	39	16:1	7,200	26.33%	1,000	210	-4.55%	38	5.49	93,279	79,999	74,000
CSTB2213	1/3/2023	180	8:1	40,400	47.00%	1,000	550	-5.17%	299	1.84	35,324	24,444	22,600
Tổng				5,216,000	35.20%**								
Chú thích:			Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
			Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
			**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

- Trong phiên giao dịch ngày 07/07/2022, các chứng quyền tăng theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CVIC2206 và CVJC2202 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 50.00% và 50.00%. Giá trị giao dịch giảm 19.46%, CHPG2211 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 11.33% thị trường.
- CPNJ2203, CVNM2206, CHPG2214 và CVHM2201 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CPDR2203, CSTB2213, CSTB2211 và CMSN2206 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CPNJ2201, CFPT2203 và CPNJ2202 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	64.0	0.0%	0.7	4,073	4.4	3,515	18.2	4.2	97.7%	25.8%
PNJ	Bán lẻ	116.0	3.6%	0.7	1,222	3.0	5,443	21.3	3.5	49.0%	18.0%
BVH	Bảo hiểm	55.0	3.8%	1.3	1,775	3.9	2,529	21.8	1.9	26.6%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	44.2	2.3%	0.6	450	0.1	3,630	12.2	1.3	58.5%	11.0%
VIC	Bất động sản	69.8	3.4%	0.5	11,574	6.5	(578) #N/A	N/A	2.5	12.2%	-2.4%
VRE	Bất động sản	27.0	3.8%	1.1	2,668	2.8	401	67.3	2.0	31.1%	3.0%
VHM	Bất động sản	61.0	3.2%	0.8	11,549	5.4	8,786	6.9	2.1	23.3%	34.5%
DXG	Bất động sản	19.9	1.8%	1.5	526	2.8	1,503	13.2	1.3	31.0%	11.3%
SSI	Chứng khoán	19.1	0.5%	1.7	1,237	8.1	2,841	6.7	1.3	34.0%	22.6%
VCI	Chứng khoán	35.7	1.9%	1.0	520	3.5	4,884	7.3	1.7	18.8%	26.9%
HCM	Chứng khoán	23.4	3.1%	1.6	465	4.8	2,619	8.9	1.4	43.1%	17.9%
FPT	Công nghệ	83.1	-0.5%	0.9	3,964	4.7	4,293	19.4	4.7	49.0%	26.1%
FOX	Công nghệ	68.7	-0.1%	0.4	981	0.0	4,926	13.9	3.8	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	94.1	-1.8%	0.9	7,831	2.6	5,109	18.4	3.3	2.9%	19.2%
PLX	Dầu khí	39.0	2.1%	1.5	2,154	0.7	1,950	20.0	1.9	17.3%	9.9%
PVS	Dầu khí	22.0	-1.3%	1.6	457	5.7	1,408	15.6	0.9	8.9%	5.5%
BSR	Dầu khí	22.5	-1.7%	0.8	3,033	11.3	2,108	10.7	1.9	41.1%	19.1%
DHG	Dược	87.4	0.0%	0.3	497	0.0	6,105	14.3	3.2	54.2%	21.8%
DPM	Hóa chất	44.0	1.9%	1.2	749	4.7	12,920	3.4	1.4	16.4%	50.2%
DCM	Hóa chất	27.0	2.1%	1.2	621	4.8	5,643	4.8	1.6	9.8%	38.9%
VCB	Ngân hàng	75.5	3.7%	0.8	15,535	4.0	4,855	15.6	3.1	23.5%	21.1%
BID	Ngân hàng	36.3	2.0%	1.2	7,984	4.4	2,266	16.0	2.1	16.9%	13.8%
CTG	Ngân hàng	26.3	1.7%	1.5	5,495	3.8	2,558	10.3	1.3	26.5%	13.0%
VPB	Ngân hàng	28.9	0.3%	1.2	5,586	9.9	3,874	7.5	1.5	17.4%	24.0%
MBB	Ngân hàng	25.1	0.8%	1.3	4,123	7.1	3,623	6.9	1.5	23.2%	23.7%
ACB	Ngân hàng	24.2	-0.2%	1.1	3,546	2.6	3,081	7.8	1.7	30.0%	24.2%
BMP	Nhựa	56.9	-0.2%	0.7	203	0.1	3,150	18.1	1.9	85.6%	10.7%
NTP	Nhựa	37.7	-0.3%	0.6	193	0.1	3,990	9.4	1.6	17.8%	16.9%
MSR	Tài nguyên	17.3	1.2%	1.5	827	0.1	178	97.2	1.3	10.1%	1.4%
HPG	Thép	21.8	1.4%	1.1	5,499	10.1	5,726	3.8	1.3	20.5%	40.4%
HSG	Thép	17.3	0.9%	1.6	371	3.5	7,157	2.4	0.7	7.0%	35.8%
VNM	Tiêu dùng	73.0	3.3%	0.6	6,633	9.6	4,390	16.6	4.7	54.4%	28.9%
SAB	Tiêu dùng	156.2	2.4%	0.8	4,355	0.3	5,969	26.2	4.7	62.7%	19.0%
MSN	Tiêu dùng	103.0	3.0%	1.0	6,376	2.0	7,041	14.6	5.3	28.8%	45.7%
SBT	Tiêu dùng	17.2	3.0%	1.6	470	0.6	1,144	15.0	1.3	8.1%	8.3%
ACV	Vận tải	77.5	0.1%	0.8	7,335	0.1	363	213.6	4.5	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	129.3	1.7%	1.1	3,045	3.4	361	357.7	4.1	16.8%	1.2%
HVN	Vận tải	15.7	0.3%	1.7	1,507	0.4	(5,210) #N/A	N/A #N/A	N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	47.2	2.5%	0.9	618	2.5	2,256	20.9	2.2	45.6%	10.8%
PVT	Vận tải	18.5	-1.9%	1.4	260	1.5	2,088	8.9	1.1	13.0%	13.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	71.1	-1.5%	0.9	495	0.2	10,540	6.7	2.2	3.2%	37.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	46.2	0.3%	0.7	901	1.8	3,677	12.6	2.7	5.6%	22.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.0	0.0%	1.2	248	0.2	783	19.1	1.1	1.9%	5.6%
CTD	Xây dựng	59.1	6.9%	1.3	190	3.8	(27) #N/A	N/A	0.5	49.0%	0.0%
CII	Xây dựng	17.0	2.7%	1.4	186	1.5	1,266	13.4	0.8	10.0%	6.1%
REE	Điện	75.4	2.3%	-1.4	1,165	1.9	5,994	12.6	2.0	49.0%	16.7%
PC1	Điện	35.0	1.4%	-0.4	358	1.6	3,238	10.8	1.7	4.7%	16.9%
POW	Điện	12.8	0.0%	0.6	1,303	5.5	859	14.9	1.0	2.2%	6.9%
NT2	Điện	23.0	2.7%	0.7	288	1.3	1,933	11.9	1.5	13.8%	13.1%
KBC	Khu công nghiệp	31.7	0.6%	1.5	1,058	2.0	866	36.6	1.7	19.3%	5.3%
BCM	Khu công nghiệp	59.6	1%	0.9	2,682	0.2	1,190	50.1	3.7	2.7%	8.4%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	75.50	3.71	3.32	1.26MLN
VIC	69.80	3.41	2.28	2.17MLN
VHM	61.00	3.21	2.15	2.10MLN
VNM	73.00	3.25	1.25	3.05MLN
MSN	103.00	3.00	1.11	444900

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GAS	0.00	-0.85	628400	1.11MLN
EIB	0.00	-0.21	139500	607060
GVR	0.00	-0.10	942200	373600
BHN	0.00	-0.10	300	192700
FPT	0.00	-0.10	1.29MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MIG	23.00	6.98	0.06	1.37MLN
DGC	98.40	6.96	0.62	1.78MLN
CIG	6.03	6.91	0.00	128900
TTF	7.59	6.90	0.05	2.68MLN
CTD	59.10	6.87	0.08	1.50MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TNC	47.90	-10.30	-0.03	500
ACL	19.35	-6.97	-0.02	222800
TMT	18.70	-6.97	-0.01	161900.00
LBM	83.40	-6.92	-0.02	1800
TGG	5.34	-6.81	0.00	484500

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

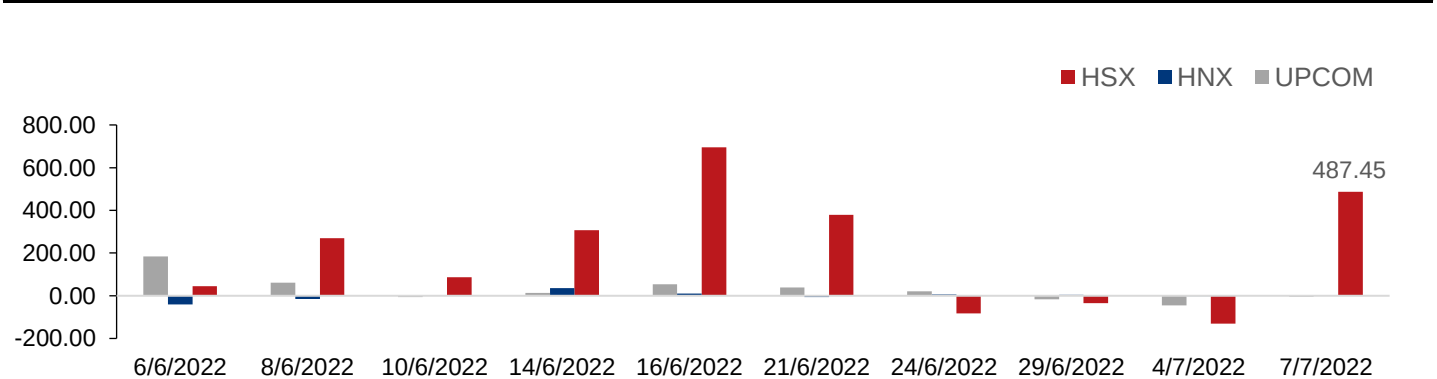
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
THD	55.40	1.09	0.27	207800.00
CEO	26.70	2.69	0.23	2.45MLN
HUT	24.90	2.05	0.17	2.16MLN
PTI	67.00	6.35	0.16	5500.00
TNG	26.00	3.59	0.11	2.09MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BAB	16.60	-2.35	-0.49	8200
IDC	48.40	-0.62	-0.13	783500
PVS	22.00	-1.35	-0.12	5.95MLN
SHS	13.80	-0.72	-0.10	5.46MLN
TAR	22.50	-5.06	-0.06	1.12MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CJC	24.20	10.0	0.00	100
CLM	38.50	10.0	0.03	800
DNC	60.70	10.0	0.01	100
NFC	19.10	9.8	0.01	19800
BST	17.10	9.6	0.00	400.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PSC	14.40	-10.00	-0.01	100
VNT	76.50	-9.89	-0.03	100
VNC	41.90	-9.89	-0.03	100
TPP	10.30	-9.65	-0.02	2700
MIM	8.60	-9.47	0.00	100

Hình 3
 Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	58.0	3,434	16.9	4.7	Click
2	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	116.0	5,443	21.3	3.5	Click
3	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	13.4	1,701	7.9	0.6	Click
4	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	23.0	1,933	11.9	1.5	Click
5	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	68.0	10,029	6.8	1.3	Click
6	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	78.5	4,874	16.1	5.1	Click
7	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	35.0	3,238	10.8	1.7	Click
8	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	13.0	-129	#N/A N/A	0.7	Click
9	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	83.1	4,293	19.4	4.7	Click
10	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	26.4	2,466	10.7	1.7	Click
11	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	18.4	9,632	1.9	0.8	Click
12	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	12.8	859	14.9	1.0	Click
13	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	116.0	5,443	21.3	3.5	Click
14	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	64.0	3,515	18.2	4.2	Click
15	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	18.5	2,088	8.9	1.1	Click
16	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	98.4	8,710	11.3	5.0	Click
17	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	21.8	5,726	3.8	1.3	Click
18	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	31.7	866	36.6	1.7	Click
19	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	21.3	5,084	4.2	1.4	Click
20	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	19.9	1,503	13.2	1.3	Click
21	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	56.0	4,775	11.7	4.5	Click
22	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	45.6	2,136	21.4	2.3	Click
23	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	26.0	2,701	9.6	1.8	Click
24	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	81.6	8,331	9.8	2.3	Click
25	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	27.1	1,941	14.0	1.2	Click
26	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	44.2	3,630	12.2	1.3	Click
27	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	22.0	1,408	15.6	0.9	Click
28	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	94.1	5,109	18.4	3.3	Click
29	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	18.8	3,141	6.0	1.2	Click
30	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	59.1	-27	#N/A N/A	0.5	Click
31	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	13.4	1,701	7.9	0.6	Click
32	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	9.4	1,350	6.9	0.4	Click
33	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	9.4	1,350	6.9	0.4	Click
34	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	10.5	2,433	4.3	0.8	Click
35	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	116.0	5,443	21.3	3.5	Click
36	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	116.0	5,443	21.3	3.5	Click
37	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	64.0	3,515	18.2	4.2	Click
38	SZC	BĐS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	41.0	2,762	14.8	2.9	Click
39	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	35.5	1,900	18.7	1.5	Click
40	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	22.5	2,108	10.7	1.9	Click
41	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	15.7	1,034	15.2	0.9	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	81.6	8,331	9.8	2.3	Click
43	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	37.9	2,916	13.0	2.0	Click
44	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	11.2	991	11.3	0.8	Click
45	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	24.5	1,956	12.5	1.3	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	35.6	3328.9	10.7	1.6	Click
47	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	23.0	1,933	11.9	1.5	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
4	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
5	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
6	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
7	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
8	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
10	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
11	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
13	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
14	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
15	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
16	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
18	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
19	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
22	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
23	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
25	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
26	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
27	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
28	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
29	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
30	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
31	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
32	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
33	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
34	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
35	Banking Sector Outlook		x	Click
36	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
37	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
38	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
39	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
40	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
41	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
42	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
43	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
44	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639